

Số: 0816 /TMBG-BVYHCT

Đắk Lắk, ngày 29 tháng 9 năm 2026

THƯ MỜI CHÀO GIÁ

Thẩm định giá gói Thiết bị và các chi phí liên quan của Hệ thống xử lý nước thải từ 100m3 lên 200m3

Kính gửi: Các nhà thầu, nhà cung cấp có năng lực tại Việt Nam.

Căn cứ Biên bản của Hội đồng KH&CN bệnh viện ngày 28 tháng 9 năm 2026 về việc Thẩm định giá gói Thiết bị và các chi phí liên quan của Hệ thống xử lý nước thải từ 100m3 lên 200m3.

Để có cơ sở xây dựng giá dự toán và phương án lựa chọn nhà thầu, Bệnh viện kính mời các đơn vị có năng lực, kinh nghiệm quan tâm gửi báo giá chi tiết cho các danh mục hàng hóa, dịch vụ như sau:

tt	Danh mục	Đvt	Số lượng
1	Thẩm định giá gói Thiết bị và các chi phí liên quan của Hệ thống xử lý nước thải từ 100m3 lên 200m3. (Phụ lục kèm theo)	Gói	1

Lưu ý: Báo giá đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có), chi phí vận chuyển và các chi phí khác liên quan, bên mua không phải trả bất kỳ một chi phí nào thêm.

- Mục đích báo giá: Làm cơ sở xây dựng dự toán, kinh phí mua sắm hàng hóa.
- Thời hạn hiệu lực của báo giá: tối thiểu 30 ngày kể từ ngày phát hành báo giá.
- Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ ngày 29/9/2026 đến trước 17 giờ, ngày 02 tháng 10 năm 2026. Các báo giá nhận sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.
- Yêu cầu báo giá: 01 bản chính bằng tiếng Việt.
- Địa điểm nhận báo giá: Phòng Tổ chức Hành chính Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Đắk Lắk.

Địa chỉ: Số 07 đường Nguyễn Chí Thanh, Phường Tân An, tỉnh Đắk Lắk.

Điện thoại: 0935517829.

Email: yhctdl07@gmail.com

Bệnh viện xin chân thành cảm ơn. / 

Nơi nhận:

- Như trên (t/h);
- Website BVYHCT;
- Giám đốc, các Phó Giám đốc;
- Lưu: VT.

GIÁM ĐỐC

TRỊNH ĐĂNG ANH



Phụ lục
(Kèm theo Thư mời chào giá ngày 29/9/2026)

Stt	Danh mục hàng hóa – Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng
1	Thiết bị hệ thống xử lý nước thải		
1.1	Cụm bơm nước thải ❖ Thông số kỹ thuật: + Công suất: 0,75Kw/1HP/380V/50Hz + Lưu lượng: 0,2 m3/min.(12 m3/h) + Cột áp: 8,2m + Cấp bảo vệ: IP68 Class F + Vật liệu: Trục: thép không gỉ: SUS420J2. + Cánh, buồng bơm: FC250	Cái	2
1.2	Phao đo mực nước ❖ Thông số kỹ thuật: + Dây cáp: 3G1 + Chiều dài dây: 5 m + Nguồn điện: 10A/250V + Cấp bảo vệ: IP68 + Kích thước: 106x154x154 mm	Cái	2
1.3	Đồng hồ đo lưu lượng đầu vào ❖ Thông số kỹ thuật: + Loại đồng hồ chuyên dụng cho nước thải + Chất liệu: thân gang + Kết nối: Bất bích + Kích thước: DN 100, Ø114 + Kiểu hoạt động: Dẫn động từ	Cái	1
1.4	Máy khuấy chìm ❖ Thông số kỹ thuật: + Công suất: 0,25Kw + Điện áp: 3pha/380V/50Hz + Vật liệu: - Vỏ: FC 200 Gang đúc - Cánh: FCD500 Gang đúc - Trục: 420J2 Thép không gỉ	Cái	2
1.5	Hệ giá thể vi sinh 1. Giá thể vi sinh ❖ Thông số kỹ thuật: + Dạng sợi Cleartec Biocurlz + Diện tích bề mặt riêng khoảng: 1.8 m2/m. + Vật liệu: 69% sợi lõi PVdC, 31% sợi Polypropylen PP + Màu sắc: vàng & trắng 2. Khung đỡ cố định giá thể vi sinh ❖ Thông số kỹ thuật: + Kích thước: DxRxC = 2,8m x 2m x 2,5m + Cấu tạo: Hộp vuông 30 dày 2mm,	m ³	14



Stt	Danh mục hàng hóa – Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng
	+ V30 dày 2mm, ống Ø 10 + Vật liệu inox 304		
1.6	Cụm bơm nội tuần hoàn khử Nitrat ❖ Thông số kỹ thuật: + Công suất: 0,75Kw/1HP/380V/50Hz + Lưu lượng: 0,2 m3/min.(12 m3/h) + Cột áp: 8,2m + Cấp bảo vệ: IP68 Class F + Vật liệu: Trục: thép không gỉ: SUS420J2. Cánh, buồng bơm: FC250.	Cái	2
1.7	Máy thổi khí ❖ Thông số kỹ thuật + Công suất: 5,5 kW/380V/50Hz/3pha + Lưu lượng: 3 m3/min + Cột áp: 5 m + Phương pháp giải nhiệt bằng hệ thống làm mát cooling silence + DN65 - Vật liệu : + Rotor : FCD450 + Vỏ máy, hộp số : Gang đúc FC200 + Bánh răng : Chromium molybdenum steel + Oil seal : Fluororubber + Oil seal : N.B.R Motor Enertech: 5.5kW/ 3 Phase 380V/50Hz. + Phụ kiện bao gồm + 1 bộ gồm đầu thổi khí, giảm thanh đầu vào, van 1 chiều, van an toàn Đồng hồ áp suất, pully, V-belt, belt cover + Motor 5,5 kw + Ống giảm thanh + Khớp nối mềm inox	Cái	2
1.8	Đĩa thổi khí ❖ Thông số kỹ thuật: + Đường kính đĩa: 270mm + Kiểu đĩa thoát khí: Dạng bọt mịn + Lưu lượng thoát khí tối đa: 0 – 12 m3/h + Lưu lượng thoát khí tiêu chuẩn: 2 – 5 m3/h + Diện tích bề mặt hoạt động: 0,0375 m2 + Đường kính nối ren (DN): 20mm (3//4") + Màng đĩa: EDPM + Khung đĩa: Nhựa P.P (Polypropylene)	Cái	24
1.9	Bơm bùn tuần hoàn ❖ Thông số kỹ thuật: + Công suất: 0,4Kw/1HP/380V/50Hz + Lưu lượng: 0,15 m3/min.(9 m3/h) + Cột áp: 6m + Cấp bảo vệ: IP68 Class F + Vật liệu: Trục: thép không gỉ: SUS420J2. Cánh, buồng bơm: FC250.	Cái	2

Stt	Danh mục hàng hóa – Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng
1.10	Đồng hồ đo lưu lượng đầu ra ❖ Thông số kỹ thuật: + Loại đồng hồ chuyên dụng cho nước thải + Chất liệu: thân gang + Kết nối: Bất bích + Kích thước: DN 50, phi 60 + Kiểu hoạt động: dẫn động từ	Cái	1
1.11	Bộ khuấy trộn hóa chất ❖ * Thông số kỹ thuật: + Động cơ giảm tốc: + Công suất: 0,2 KW + Kiểu lắp: Mặt bích + Điện áp: 3 pha-220/380V + Trục cánh khuấy: + Cánh khuấy mái chèo + Đường kính cánh: 200mm + Chiều dài trục: 800-1000mm + Loại 1 tầng cánh + Vật liệu: inox SUS 304	Bộ	3
1.12	Bơm định lượng hóa chất ❖ Thông số kỹ thuật: + Qmax = 20 - 110 L/h + Hmax = 5 - 1 bar + Điều chỉnh lưu lượng: 0 - 100% + N= 40W, 220VAC/50Hz/1pha + Cấp độ bảo vệ: IP65 - Vật liệu: + Đầu bơm: PVDF + Seal: Viton (FPM) + Installation KIT: PVDF + Màng: PTFE	Cái	6
1.13	Bồn nhựa pha hóa chất ❖ Thông số kỹ thuật: + Dung tích: V = 500 lít + Vật liệu: Nhựa 3 lớp + Kích thước: DxH=855x960	Cái	3
1.14	Bùn vi sinh cơ chất thiếu khí - hiếu khí ❖ Thông số kỹ thuật: + Bùn hoạt tính bề sinh học - chỉ số: SVI = 80-100, MLSS = 2.000mg/l; + Tải trọng hữu cơ F/M = 0,1-0,4kgBOD/kg VSS.ngày; + Thời gian thích nghi 20 ngày;	m ³	30
1.15	Men vi sinh gốc thiếu, hiếu khí ❖ Thông số kỹ thuật: + Thành phần: Bacillus subtilis, Lactobacillus acidophilus, Aspergillus oryzae, Saccharomyces cerevisiae và các Enzyme amylase, Protease, Lipase. + Mật độ: >10⁷ CFU/g	Kg	30
1.16	Dinh dưỡng cho vi sinh ❖ Thông số kỹ thuật:	Kg	450

Stt	Danh mục hàng hóa – Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng
	+ Mật rỉ không màu, DAP, NPK, cám gạo.....		
1.17	Quạt hút mùi ❖ Thông số kỹ thuật: + Công suất: 0,75kW, Hp/380V/50Hz + Lưu lượng = 1.530 ~ 1.760 m³/h + Cột áp = 805 ~ 670 Pa + Chất liệu bằng sắt thép sơn tĩnh điện. + Họng hút ;Ø168mm mặt bích + Họng thổi : Ø168mm mặt bích	Cái	2
1.18	Tháp hấp thụ khí thải ❖ Thông số kỹ thuật: + Kích thước: D x H = 0,5m x 2,5 m + Độ dày phần vỏ bao ngoài: 2 mm, inox 304 + Tấm đỡ vật liệu: Hộp vuông 30x30, lưới đan ô 10x10mm, inox 304 + Dàn phân phối dung dịch hấp thụ: Ống, phụ kiện,...	Bộ	1
1.19	Tháp hấp phụ than hoạt tính ❖ Thông số kỹ thuật: + Kích thước: D x H = 0,5m x 2,5 m + Độ dày phần vỏ bao ngoài: 2mm, inox 304 + Tấm đỡ vật liệu: inox 304	Bộ	1
1.20	Bơm hóa chất hấp thụ ❖ Thông số kỹ thuật: + Lưu lượng: Q = 3,6 m³/h + Áp lực: H = 9m + Công suất: P = 1Hp + Điện áp: 3phase/380V/50Hz + Buồng và cánh bơm bằng inox SUS304	Cái	2
1.21	Vật liệu tiếp xúc ❖ Thông số kỹ thuật: + Vật liệu: PP + Diện tích bề mặt riêng: 180 - 250 m²/m³ + Kích thước: D= (100±5%) mm, H= (60±5%) mm)	Hệ	1
1.22	Thiết bị tách rác tinh ❖ Thông số kỹ thuật: + Loại: Giỏ chứa + Khe hở: 1 mm + Kích thước: 400 x 400 x 400 mm + Vật liệu: SUS 304, V2 SUS 304	Bộ	1
1.23	Thiết bị trộn tĩnh ❖ Thông số kỹ thuật: + Đường kính: D= 90 mm. + Chiều dài: L= 1.000 mm. + Vật liệu: SUS304, dày 2mm	Bộ	1
1.24	Thanh dẫn hướng máy khuấy trộn chìm và phụ kiện bể Anoxic ❖ Thông số kỹ thuật: + Hộp inox 50x50x2mm, + Phụ kiện cố định động cơ máy khuấy: SUS304 gia công tại chỗ	Bộ	2

Stt	Danh mục hàng hóa – Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng
	+ Bao gồm: Xích kéo, thanh trượt, bulong, bát đỡ,... + Vật liệu: Inox SUS 304		
1.25	Hệ thống phân phối nước trung tâm và khung đỡ ❖ Thông số kỹ thuật: + Đường kính: D= 600mm. + Chiều cao: H= 2.000mm. + Vật liệu: SUS304, d= 1.2 mm. Gia cố Inox 304	Bộ	1
1.26	Tấm rãnh cửa thu nước ❖ Thông số kỹ thuật: + Kích thước: Kích thước phù hợp với thiết kế của bể lắng + Tole inox 304; 100x1,2 mm	Bộ	1
1.27	Tấm chắn bọt, bùn nổi * Thông số kỹ thuật: + Kích thước phù hợp với thiết kế của bể lắng + Tole inox 304, 100x1,2 mm	Bộ	1
1.28	Xích kéo bơm và phụ kiện ❖ Thông số kỹ thuật: + Độ dày vật liệu: 6mm + Khoảng cách giữa các mắt xích: 20mm + Độ hở mắt xích: 10mm + Vật liệu: Inox SUS 304 DN6	Mét	36
1.29	Dàn đỡ máy khuấy hóa chất và bơm định lượng ❖ Thông số kỹ thuật: + Kích thước: DxRxH= 3m x 0,3m x 1,5m + Cấu tạo: V30, dày 2mm + Vật liệu: Inox SUS 304	Bộ	1
1.30	Tủ điều khiển trung tâm ❖ Thông số kỹ thuật: + Bao gồm tủ động lực, điều khiển và thiết bị phụ trợ. - Trong đó: + Cung cấp vật tư: Lắp đặt hệ thống điện + Lắp đặt tủ điện (tủ điện điều khiển, vỏ tủ sơn tĩnh điện, công tắc, đèn, đồng hồ đo Vôn, Ampe, máng điện, dây cáp điện,...). + Kích thước tủ: 900/1700/350mm + Phụ kiện: Thiết bị chính Schneider hoặc tương đương, thiết bị phụ Hanyoung - Chức năng: chống cạn, chống mất pha, có tác dụng điều khiển sự hoạt động hệ thống an toàn trong vận hành, hạn chế sự cố trong tình trạng thấp nhất, điều khiển an toàn và hiệu quả. - Nguyên lý hoạt động: Cài đặt Auto + man	Hệ	1
2	Chi phí lắp đặt và thử nghiệm, hiệu chỉnh	Hệ	1
3	Chi phí hóa chất cho quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống	Tháng	3
4	Chi phí vận hành thử nghiệm hệ thống, đào tạo chuyển giao công nghệ	Tháng	3
5	Chi phí xét nghiệm chất lượng nước sau xử lý	Lần	3
6	Vận chuyển toàn bộ máy móc, thiết bị đến chân công trình	Hệ	1



Đinh